

KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI CÔNG CHỨNG ĐIỆN TỬ Ở NHẬT BẢN, HÀN QUỐC VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

■ ThS. NGÔ XUÂN KỲ*

1. Kinh nghiệm của Nhật Bản trong triển khai công chứng điện tử

Công chứng viên ở Nhật Bản là người đại diện cho Nhà nước do Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm để thực hiện nghiệp vụ công chứng. Nghiệp vụ của công chứng viên bao gồm 04 công việc chủ yếu là: (i) Soạn thảo văn bản công chứng; (ii) Chứng thực giấy tờ cá nhân; (iii) Công chứng điều lệ của công ty, pháp nhân; (iv) Ấn định ngày văn bản được công chứng. Nhìn chung, văn bản công chứng sẽ có giá trị chứng minh (giá trị làm chứng cứ) cao hơn văn bản thông thường. Hợp đồng do các đương sự lập ra và được công chứng có hiệu lực cưỡng chế thi hành ngay mà không cần phán quyết của Tòa án. Công chứng viên ở Nhật Bản được coi là “cơ quan công lý phòng ngừa”, được Nhà nước bổ nhiệm và thực hiện các nhiệm vụ của

Nhà nước. Tuy nhiên, công chứng viên không phải là công chức nhà nước đúng nghĩa. Họ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, mà nhận phí trực tiếp từ khách hàng của mình¹.

Tại Nhật Bản, các văn bản pháp lý như di chúc, giấy xác nhận nợ, hợp đồng cho vay và hợp đồng cho thuê thường được công chứng, còn các hợp đồng giao dịch bất động sản lại hiếm khi được công chứng². Công chứng viên phải yêu cầu người có yêu cầu công chứng chứng minh danh tính của mình bằng cách xuất trình giấy chứng nhận đăng ký con dấu chính thức. Văn bản công chứng chỉ có thể được soạn thảo bằng tiếng Nhật³. Công chứng viên có nghĩa vụ điều tra hoặc xem xét các trường hợp có nghi ngờ về tính hợp pháp hoặc hiệu lực của giao dịch, nhưng không có nghĩa vụ tư vấn pháp lý cho các bên. Công chứng viên

không được tạo các văn bản liên quan đến các vấn đề vi phạm pháp luật và quy định, các hành vi pháp lý vô hiệu hoặc các hành vi pháp lý có thể bị hủy bỏ do năng lực hành vi hạn chế⁴. Trong trường hợp có nghi ngờ về một trong các điểm trên, công chứng viên có thể không tạo văn bản. Văn bản sau cùng sẽ được đọc ra và được đưa cho những người có mặt để kiểm tra và phải được họ chấp thuận. Cuối cùng, văn bản công chứng được ký bởi những người tham dự và đóng dấu bởi công chứng viên. Công chứng viên phải đóng dấu vào tất cả các trang của một văn bản nếu văn bản đó có nhiều trang hoặc trong nội dung của văn bản đề cập đến các tài liệu khác và được đính kèm⁵.

Ngày 11/4/2000, Luật sửa đổi Luật Đăng ký thương mại Nhật Bản được ban hành và có hiệu lực vào ngày 19/4/2000. Cụ thể, một số sửa đổi đã được thực hiện đối với Luật Đăng ký thương mại, Luật Công chứng và Luật Thi hành án dân sự, trong đó có nội dung “xác thực điện tử dựa trên

hệ thống đăng ký thương mại” và “công chứng điện tử dựa trên hệ thống công chứng công cộng”⁶. Ngày 31/3/2001, Bộ Tư pháp Nhật Bản ban hành Pháp lệnh về các vấn đề liên quan đến hồ sơ điện tử do công chứng viên được chỉ định thực hiện, có hiệu lực thi hành cùng ngày. Hệ thống công chứng điện tử được bắt đầu triển khai từ năm 2000 đối với các tài liệu cá nhân, đến năm 2002, phạm vi công chứng điện tử được mở rộng đối với việc công chứng điều lệ của công ty. Tuy nhiên, để hoàn thành quy trình công chứng thì người có yêu cầu công chứng hoặc người đại diện của họ vẫn cần hiện diện trực tiếp trước công chứng viên⁷.

Đạo luật Công chứng Nhật Bản đã tạo cơ sở cho hoạt động công chứng điện tử bằng cách đưa việc chứng nhận hồ sơ điện tử vào thẩm quyền của công chứng viên tại Điều 1 (thẩm quyền của công chứng viên), khoản 2 Điều 7-2 (các vấn đề liên quan đến hồ sơ điện tử), Điều 62-6 (phương pháp xác thực hồ sơ điện tử), Điều 62-7 (bảo quản, chứng nhận,... thông

tin qua hồ sơ điện tử được công nhận), Điều 62-8 (biện pháp xác thực hồ sơ công chứng điện tử). Cụ thể, khoản 4 Điều 1 Đạo luật Công chứng Nhật Bản quy định, công chứng viên có thẩm quyền “chứng nhận hồ sơ điện tử” và Điều 7-2 quy định rằng “các quy trình liên quan đến hồ sơ điện tử hoặc ghi từ được xác định là quy trình do công chứng viên thực hiện theo Đạo luật này và các luật và quy định khác sẽ do công chứng viên do Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định xử lý”. Như vậy, chỉ một số công chứng viên được chỉ định được phép thực hiện nghiệp vụ công chứng điện tử. Công chứng viên muốn trở thành công chứng viên được chỉ định phải có máy tính và các thiết bị ngoại vi cần thiết khi xử lý các công việc liên quan đến hồ sơ điện tử và thực hiện các biện pháp để bảo đảm các thiết bị ngoại vi hoạt động trơn tru. Ngoài ra, công chứng viên phải được trang bị chữ ký điện tử theo phương thức do Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định, khi khách hàng yêu cầu công chứng. Công chứng

viên đáp ứng các yêu cầu này phải nộp đơn xin được chỉ định lên Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định công chứng viên, sau khi xác nhận các yêu cầu cần thiết.

Đạo luật quan trọng điều chỉnh chữ ký điện tử ở Nhật Bản là Đạo luật về Chữ ký điện tử và Chứng nhận kinh doanh (The Act on Electronic Signatures and Certification Business), trong đó, định nghĩa chữ ký điện tử và quy định các yêu cầu đối với dịch vụ xác thực được chỉ định, bao gồm xác thực bởi cơ sở hạ tầng khóa công khai và nhà cung cấp chữ ký số được ủy quyền dựa trên chứng chỉ được chỉ định⁸. Sau khi một tài liệu được gắn chữ ký điện tử, tài liệu đó được coi là được thực hiện bởi cá nhân đã sử dụng chữ ký điện tử. Chữ ký điện tử có giá trị pháp lý tương đương với chữ ký viết tay. Do đó, bất kỳ giao dịch nào được thực hiện bằng chữ ký viết tay cũng có thể được thực hiện bằng chữ ký điện tử. Tuy nhiên, đối với một số loại chứng thư và các tài liệu khác như một

số loại hợp đồng thuê đất, hợp đồng xây dựng, hợp đồng giám hộ tự nguyện và di chúc có công chứng, các bên có thể cần phải đáp ứng các yêu cầu bổ sung khác (thực hiện công chứng trước mặt công chứng viên)⁹.

Quy trình công chứng điện tử được thực hiện qua Hệ thống công chứng điện tử. Hệ thống này được quản lý bởi Hiệp hội Công chứng quốc gia Nhật Bản, tổ chức nghề nghiệp của công chứng viên trên toàn Nhật Bản. Hệ thống công chứng điện tử cho phép công chứng viên xác minh tài liệu điện tử và chữ ký điện tử thông qua chứng chỉ kỹ thuật số do cơ quan có thẩm quyền cấp. Để sử dụng hệ thống công chứng điện tử, cả công chứng viên và người có yêu cầu công chứng phải có chứng chỉ kỹ thuật số do cơ quan có thẩm quyền cấp. Công chứng viên xác minh chữ ký điện tử và danh tính của người ký. Sau khi quá trình xác minh hoàn tất, công chứng viên sẽ đóng dấu kỹ thuật số vào tài liệu, hoàn tất quy trình công chứng. Hệ

thống công chứng điện tử được hỗ trợ bởi một hệ thống được gọi là Trung tâm công chứng điện tử, hoạt động trên mạng riêng ảo (Virtual Private Network)¹⁰. Trung tâm Công chứng điện tử thuộc sở hữu của Hiệp hội Công chứng quốc gia Nhật Bản, cơ quan trả chi phí hoạt động của Trung tâm. Dữ liệu trên Trung tâm được mã hóa bằng mật mã hóa công khai. Việc bảo trì Trung tâm Công chứng điện tử được Hiệp hội Công chứng quốc gia Nhật Bản ủy thác cho một công ty tư nhân có uy tín. Hệ thống công chứng điện tử được thiết kế đặc biệt để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động công chứng an toàn và đáng tin cậy có thể được thực hiện trực tuyến¹¹.

Công chứng viên được chỉ định sẽ chứng nhận hồ sơ điện tử (electronic) hoặc hồ sơ từ tính (magnetic) khi một bên, với sự có mặt của công chứng viên, thực hiện một trong các hành động sau đây liên quan đến thông tin được ghi trong hồ sơ điện tử hoặc từ tính nói trên và công chứng viên

phải bổ sung thêm thông tin thể hiện sự việc này với thông tin được ghi trong hồ sơ điện tử hoặc hồ sơ từ tính: (i) Khi một bên đã thực hiện các biện pháp để chứng minh rằng bên đó đã chuẩn bị thông tin được ghi trong hồ sơ điện tử hoặc từ tính được ủy quyền, được quy định trong Pháp lệnh của Bộ Tư pháp là các biện pháp sẵn có để xác minh xem thông tin nói trên có hay không đã bị thay đổi hoặc để chỉ ra một cách rõ ràng ai đã tạo ra thông tin nói trên; (ii) Khi một bên thừa nhận rằng mình đã thực hiện các biện pháp khác đã được quy định¹². Những thông tin được ghi dưới dạng hồ sơ điện tử phải được chuyển đổi theo phương thức do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định. Thông thường, người ta tạo một tài liệu bằng phần mềm tạo tài liệu và sau đó, chuyển đổi nó sang định dạng PDF hoặc định dạng XML bằng phần mềm Adobe Acrobat¹³.

Công chứng viên được chỉ định phải lưu giữ đầy đủ thông tin trong hồ sơ để xác định thông tin được ghi nhận trong hồ sơ điện

tử hoặc hồ sơ từ tính được chứng nhận theo quy định. Khách hàng có thể yêu cầu lưu giữ hồ sơ điện tử hoặc hồ sơ từ tính, trong đó, thông tin giống với thông tin được ghi trong hồ sơ điện tử hoặc hồ sơ từ tính đã được chứng nhận. Khách hàng hoặc người thừa kế của khách hàng hoặc người đã chứng minh rằng họ có lợi ích hợp pháp đối với mục đích của hồ sơ điện tử hoặc hồ sơ từ tính có thể đưa ra yêu cầu chứng nhận hoặc cung cấp thông tin sau: (i) Xác nhận thực tế rằng thông tin được ghi trong hồ sơ điện tử hoặc hồ sơ từ tính mà người đó sở hữu giống với thông tin được ghi trong hồ sơ điện tử hoặc hồ sơ từ tính được cung cấp; (ii) Cung cấp thông tin giống với thông tin được ghi trong hồ sơ điện tử hoặc hồ sơ từ tính được lưu trữ¹⁴.

Từ tháng 3/2019, thủ tục chứng nhận cho các hợp đồng và các văn bản pháp lý bằng điện thoại video được bắt đầu thực hiện: (i) Khi thực hiện hợp đồng/yêu cầu bằng hệ thống công chứng điện tử có sử dụng điện thoại

video, người đại diện sẽ không cần đến văn phòng công chứng. Kết quả được gửi qua hệ thống công chứng trực tuyến; (ii) Khi một tài liệu điện tử đã được ký điện tử, không thể sửa chữa hoặc thay đổi từ ngữ. Nếu cần sửa hoặc thay đổi từ ngữ của văn bản điện tử đã được ký điện tử gửi đến cơ quan công quyền qua internet thì văn bản gốc phải được sửa hoặc thay đổi, ký điện tử lại và gửi qua internet; (iii) Các tài liệu điện tử được chứng nhận chỉ giới hạn ở những tài liệu được lưu ở định dạng PDF. Ngày công chứng điện tử có thể được cung cấp ở định dạng văn bản, định dạng PDF hoặc định dạng XML.

Năm 2020, Đạo luật về nhận dạng và chứng nhận chữ ký điện tử (Đạo luật chữ ký điện tử) đã được sửa đổi để cho phép công chứng tài liệu từ xa. Sửa đổi này mang lại cho chữ ký điện tử tính pháp lý giống như chữ ký viết tay và cho phép sử dụng tài liệu điện tử trong tố tụng pháp lý¹⁵. Ngày 23/7/2022, Bộ Tư pháp Nhật Bản công bố thông tin về kế

hoạch thực hiện các thủ tục công chứng hoàn toàn trực tuyến để mọi người sẽ không còn phải đến các văn phòng liên quan để thực hiện công chứng nữa. Bộ Tư pháp sẽ tạo ra một hệ thống, trong đó mọi người có thể gửi yêu cầu công chứng qua một trang web đặc biệt bằng cách sử dụng mã số thuế và an sinh xã hội (My Number). Sau đó, một hệ thống hội nghị trên web sẽ được sử dụng để người gửi yêu cầu công chứng liên lạc với công chứng viên và hoàn tất các thủ tục bằng chữ ký điện tử^{16, 17}.

2. Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong triển khai công chứng điện tử

Hệ thống công chứng hiện đại ở Hàn Quốc khởi đầu vào năm 1961 với việc ban hành Đạo luật Công chứng. Đạo luật này định nghĩa công chứng viên “là một công chứng được ủy quyền thực hiện các công việc công chứng”. Đạo luật này nhiều lần được sửa đổi, với lần sửa đổi gần nhất vào tháng 12/2017. Công chứng viên ở Hàn Quốc bắt buộc phải có bằng cử nhân luật và vượt qua kỳ thi

ngghiêm ngặt. Họ cũng phải tuân theo quy tắc đạo đức để bảo đảm rằng họ thực hiện nhiệm vụ của mình một cách khách quan và trung thực.

Trong giai đoạn thập niên 1960 - 1970, trách nhiệm chủ yếu của công chứng viên là xác minh các tài liệu liên quan đến giao dịch tài sản và các thỏa thuận pháp lý. Vai trò của công chứng viên tương đối hạn chế so với các dịch vụ công chứng ở nhiều nước phương Tây. Trong thập niên 1980 - 1990, Hàn Quốc trải qua sự phát triển kinh tế và cải cách pháp lý đáng kể. Dịch vụ công chứng được mở rộng đến nhiều giao dịch pháp lý và kinh doanh hơn, bao gồm công chứng hợp đồng, chứng thực tài liệu và chứng nhận chữ ký. Bước sang thế kỷ 21, dịch vụ công chứng ở Hàn Quốc ngày càng hiệu quả với sự trợ giúp của công nghệ số. Công chứng điện tử và chữ ký số hiện được chấp nhận rộng rãi cho nhiều giao dịch khác nhau, giúp quá trình này trở nên thuận tiện hơn cho các cá nhân

và doanh nghiệp.

Vị trí của công chứng viên được quy định trong Đạo luật Công chứng. Nghĩa vụ của công chứng viên gồm: (i) Chuẩn bị các văn bản công chứng về các hành vi pháp lý hoặc sự kiện liên quan đến bất kỳ quyền cá nhân nào khác; (ii) Xác thực các văn bản được ký bởi cá nhân hoặc một tài liệu điện tử; (iii) Các vấn đề được quản lý bởi các công chứng viên như được quy định trong Đạo luật này. Khi thực hiện các nghĩa vụ này, một công chứng viên sẽ có tư cách của một công chức nhà nước¹⁸.

Ở Hàn Quốc, các giao dịch như mua cổ phần, chuyển nhượng, mua hoặc cho thuê bất động sản không bắt buộc phải công chứng. Tuy nhiên, có một số trường hợp theo luật pháp Hàn Quốc bắt buộc phải công chứng. Ví dụ như khi thành lập một công ty cổ phần theo Bộ luật Thương mại, người khởi xướng phải chuẩn bị các điều khoản thành lập và các điều khoản thành lập này có hiệu lực bằng cách nhận được chứng nhận của công chứng viên. Phí

công chứng được tính theo tỷ lệ phần trăm cố định trên giá trị giao dịch¹⁹. Khi giao dịch điện tử thay thế các phương thức giao dịch truyền thống, vai trò của công chứng điện tử ngày càng tăng. Đối với một quốc gia tuân thủ học thuyết về giá trị pháp lý trong việc xác lập và hiệu lực của hành vi pháp lý như Hàn Quốc, việc xác lập hợp đồng thông qua thể hiện ý định điện tử có thể dễ dàng được thừa nhận. Tuy nhiên, ngay cả ngoài việc xác lập hợp đồng, văn bản điện tử vẫn được đánh giá là kém hơn văn bản giấy về độ an toàn và độ tin cậy trong việc chứng minh tính xác thực và nội dung của hợp đồng²⁰.

Có hai lý do khiến văn bản điện tử kém văn bản giấy truyền thống về độ an toàn và độ tin cậy, đó là: (i) Các văn bản giấy hiện có không thể bắt chước cùng một chữ viết tay, vì chữ viết trong nội dung tài liệu có những đặc điểm mà người khác không thể bắt chước được, nhờ đó có thể xác định được tác giả của tài liệu; (ii) Trong khi văn bản giấy không

thể dễ dàng sửa nội dung đã được viết sẵn, điều này lại khác với văn bản điện tử. Sự giả mạo hoặc thay đổi có thể dễ dàng bị phát hiện đối với văn bản giấy, trong khi đối với tài liệu điện tử thì bất kỳ ai cũng có thể sao chép cùng một nội dung và lưu trữ chúng. Vì không dễ để lưu trữ các tài liệu điện tử mà không có sự sửa đổi, nên khả năng tranh chấp có thể xảy ra bất cứ lúc nào²¹.

Các nhà lập pháp Hàn Quốc đã giải quyết vấn đề (i) bằng cách quy định về chữ ký điện tử trong Đạo luật Chữ ký điện tử. Điều 1 Đạo luật Chữ ký điện tử quy định rằng, mục đích của chữ ký điện tử là “đảm bảo sự an toàn và độ tin cậy của tài liệu điện tử”. Điều 2 của Đạo luật này đề cập đến việc xác định người ký và chữ ký của người ký trên tài liệu điện tử, theo đó, thông tin ở dạng điện tử được đính kèm hoặc kết hợp một cách hợp lý với tài liệu trước đó để chỉ ra rằng chữ ký điện tử đã được sử dụng. Vì vậy, các tài liệu có chữ ký điện tử kèm theo có thể bảo đảm tính xác thực²². Vấn đề

(ii) có thể được giải quyết thông qua việc công chứng tài liệu điện tử. Hệ thống công chứng điện tử là hệ thống làm rõ việc xác lập, nội dung hợp đồng và các mối quan hệ pháp luật khác hoặc làm rõ thời điểm xác lập hành vi pháp lý. Nếu tài liệu điện tử cũng có thể được công chứng thì tính ổn định của giao dịch điện tử có thể được cải thiện. Khác với việc công chứng các văn bản giấy, còn có một lý do khác khiến văn bản điện tử cần phải công chứng. Đó là khả năng thông tin giao dịch bị phá hủy, bị mất do lỗi mạng hoặc lỗi phần cứng/phần mềm. Trong trường hợp này, hiệu lực của hành vi pháp lý có thể bị vô hiệu. Công chứng điện tử cũng cần thiết để chống lại các bên thứ ba có ý đồ xấu²³.

Hàn Quốc đã triển khai và vận hành hệ thống công chứng điện tử kể từ khi Đạo luật Công chứng sửa đổi năm 2009 được ban hành (có hiệu lực từ ngày 07/8/2010), cho phép người dùng xác thực thông qua máy tính hoặc điện thoại thông minh. Theo Đạo luật

này, thuật ngữ được sử dụng để chỉ vai trò của công chứng viên trong các vấn đề về công chứng điện tử là “công chứng viên được chỉ định” - công chứng viên được Bộ Tư pháp chỉ định để thực hiện các công việc công chứng liên quan đến tài liệu điện tử và tài liệu vi tính²⁴. Có thể thấy, Hàn Quốc và Nhật Bản có cách tiếp cận tương đồng khi quy định về chủ thể được phép thực hiện công chứng điện tử đó là, chỉ một số ít công chứng viên đáp ứng đủ các điều kiện theo luật định mới được phép thực hiện công chứng điện tử. Điều này thể hiện sự thận trọng của hai quốc gia trong việc triển khai công chứng điện tử nhằm bảo đảm tính an toàn, bảo mật và hiệu quả cho hoạt động này.

Trong quá trình triển khai hệ thống công chứng điện tử, Bộ Tư pháp Hàn Quốc đã ra mắt trang web hỗ trợ triển khai hệ thống công chứng điện tử tại địa chỉ enotary.moj.go.kr. Tuy nhiên, công chứng viên chỉ có thể hoàn tất thủ tục công chứng điện tử sau khi khách

hàng hoặc người đại diện của họ đến văn phòng công chứng để xác minh danh tính sau khi thực hiện các thủ tục đã yêu cầu.

Theo Điều 2 Đạo luật Công chứng Hàn Quốc, tài liệu điện tử là văn bản được chuyển đổi từ văn bản giấy hoặc tài liệu khác được tạo ra dưới dạng thành hình thức có thể được xử lý bởi hệ thống xử lý thông tin. Điều 66-5 của Đạo luật này giải thích rằng, các tài liệu điện tử phải được xác thực bằng một trong hai phương pháp sau: (i) Yêu cầu khách hàng gắn chữ ký số vào tài liệu điện tử và đính kèm thông tin chứa đựng sự việc vào tài liệu điện tử bằng phương tiện điện tử, theo quy định của Sắc lệnh được Tổng thống ban hành; (ii) Yêu cầu khách hàng hoặc luật sư của họ xác nhận chữ ký số trên tài liệu điện tử và sau đó đính kèm thông tin chứa dữ kiện đó vào tài liệu điện tử.

Khi xác thực tài liệu điện tử, khách hàng phải tuyên thệ trước công chứng viên được chỉ định rằng nội dung của tài liệu điện tử là chính xác và có thể được giải

thích, gắn chữ ký số vào đó và xác nhận chữ ký số. Công chứng viên được chỉ định có nghĩa vụ đính kèm bản tuyên bố có nội dung chi tiết về lời tuyên thệ vào tài liệu điện tử bằng phương tiện điện tử. Điều này cũng áp dụng nếu công chứng viên và khách hàng sử dụng webcam hoặc thiết bị chuyển đổi nghe nhìn. Điều 66-12 Đạo luật Công chứng Hàn Quốc giải thích rằng, việc xác thực tài liệu điện tử có thể được thực hiện bởi một công chứng viên được chỉ định sử dụng webcam hoặc các thiết bị nhận và truyền hình ảnh tương tự theo quy định tại Sắc lệnh của Tổng thống. Trong những trường hợp như vậy, công chứng viên được chỉ định phải ghi lại toàn bộ quá trình công chứng văn bản điện tử. Khi công chứng viên được chỉ định xác thực tài liệu điện tử bằng webcam hoặc thiết bị hội nghị nghe nhìn, công chứng viên có nghĩa vụ xác minh danh tính của khách hàng hoặc người được ủy quyền của khách hàng.

Việc xác thực tài liệu điện tử có thể được xử lý bởi công chứng

viên được chỉ định bằng thiết bị video có kết nối với đường truyền internet và nhận video, âm thanh đồng thời theo quy định của Sắc lệnh của Tổng thống. Trong trường hợp này, công chứng viên ghi lại toàn bộ thủ tục liên quan đến việc chứng thực tài liệu điện tử. Khi một công chứng viên được chỉ định xác thực một tài liệu điện tử bằng thiết bị video có kết nối với đường truyền internet, người được ủy thác hoặc đại diện của họ phải nộp thẻ đăng ký cư trú hoặc giấy chứng nhận khác có ảnh do tổ chức có thẩm quyền cấp theo phương thức điện tử và phải xác nhận rằng, người được ủy thác hoặc đại diện của họ là người được ủy thác thông qua thủ tục nhận dạng do Sắc lệnh của Tổng thống quy định, chẳng hạn như nộp thẻ đăng ký cư trú hoặc giấy chứng nhận khác do cơ quan có thẩm quyền cấp²⁵. Hiệp hội Công chứng viên Hàn Quốc, với sự cho phép của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, có thể lắp đặt và vận hành các thiết bị lưu trữ thông tin, tài liệu điện tử... Trong trường hợp

này, tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thủ tục cấp phép... được xác định theo Pháp lệnh của Bộ Tư pháp²⁶.

Công chứng viên được chỉ định phải lưu giữ thông tin có thể xác nhận danh tính của thông tin có trong tài liệu điện tử được chứng nhận trong 20 năm thông qua hệ thống công chứng điện tử, nếu có yêu cầu của khách hàng²⁷. Ngoài ra, khách hàng có thể yêu cầu công chứng viên được chỉ định chứng nhận rằng, thông tin có trong các tài liệu điện tử do công chứng viên được chỉ định nắm giữ và thông tin xác minh danh tính của hệ thống công chứng điện tử được lưu giữ bởi công chứng viên được chỉ định là giống nhau. Ngoài ra, người được ủy thác có thể yêu cầu công chứng viên được chỉ định cung cấp thông tin giống như các tài liệu điện tử được lưu giữ bởi công chứng viên được chỉ định. Thông tin này có thể được cung cấp bằng cách phát hành một tài liệu xác nhận nội dung của tài liệu điện tử được lưu giữ bởi công chứng viên được chỉ định²⁸.

Công chứng viên được chỉ định phải đích thân xác nhận danh tính của khách hàng hoặc người đại diện của họ phải gặp trực tiếp người đó²⁹. Công chứng viên chỉ định phải giữ lại bản sao căn cước công dân và các tài liệu để xác minh danh tính của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của họ. Trong trường hợp xác nhận tài liệu số hóa, công chứng viên được chỉ định phải xác nhận tài liệu số hóa có khớp với tài liệu cần số hóa hay không, vì vậy, trừ khi đó là công chứng video, khách hàng hoặc người đại diện phải có mặt ở văn phòng công chứng³⁰. Ở Nhật Bản, Hiệp hội Công chứng Nhật Bản là cơ quan chịu trách nhiệm chính về hệ thống công chứng điện tử, ở Hàn Quốc, vai trò này thuộc về Bộ Tư pháp.

Từ ngày 20/6/2018, quy định mới cho phép người yêu cầu công chứng gặp công chứng viên qua hình thức video trực tuyến và nhận kết quả công chứng trực tuyến, thay vì đến tổ chức hành nghề công chứng³¹. Hệ thống công chứng video sử dụng công

nghệ truyền video hai chiều theo thời gian thực để giảm bớt yêu cầu gặp mặt trực tiếp giữa công chứng viên và khách hàng đã được giới thiệu. Theo đó, khách hàng có thể xác thực tài liệu điện tử mọi lúc, mọi nơi thông qua cuộc gọi video hoặc điện thoại thông minh mà không cần gặp mặt trực tiếp³². Phạm vi công chứng qua video được giới hạn ở việc xác thực các tài liệu riêng tư như biên bản công ty và điều lệ công ty. Toàn bộ quá trình công chứng qua video đều được ghi lại và lưu trữ nên có thể dùng làm bằng chứng chắc chắn trong trường hợp xảy ra tranh chấp liên quan trong tương lai. Công chứng qua video gồm quy trình xác thực bốn lần, bao gồm chữ ký điện tử hoặc xác thực điện thoại di động, xác minh tính xác thực của căn cước công dân, cuộc họp video của người yêu cầu công chứng và ghi âm/ghi lại cuộc họp video. Kể từ khi loại hình công chứng qua video được triển khai năm 2018, để giảm bớt sự bất tiện khi phải đến văn phòng

công chứng và gặp mặt trực tiếp với công chứng viên, số vụ việc công chứng điện tử đã được cải thiện phần nào so với trước đây, nhưng vẫn còn thấp và chưa đạt được kỳ vọng³³.

3. Giá trị tham khảo cho Việt Nam

3.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về công chứng

Nhằm kết nối thông tin công chứng, bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch, tránh các rủi ro trong hoạt động công chứng, Luật Công chứng năm 2014 đã quy định rõ cơ sở dữ liệu công chứng bao gồm các thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản và các thông tin về biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với tài sản có liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã được công chứng. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương và ban hành quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng³⁴.

Hiện nay, nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã tiến

hành xây dựng hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng ở địa phương³⁵ nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động công chứng. Tuy có một số khác biệt nhỏ trong yêu cầu thiết kế, nhưng các hệ thống này về cơ bản tương đồng về chức năng và phương thức hoạt động. Song song với công tác xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng, các địa phương cũng đã ban hành Quy chế quản lý cơ sở dữ liệu công chứng ở địa phương, trong đó quy định những nguyên tắc quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu; cơ quan có nghĩa vụ cung cấp thông tin cho cơ sở dữ liệu công chứng; trách nhiệm của các tổ chức hành nghề công chứng.

Việc triển khai hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng đã tạo dựng môi trường trao đổi thông tin mạng máy tính giữa các cơ quan, tổ chức có chức năng công chứng, chứng thực, cơ quan tư pháp, cơ quan thi hành án..., qua đó giúp người dân hạn chế được các rủi ro có thể gặp phải trong giao dịch. Tuy nhiên,

đến nay, việc xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vẫn còn gặp khó khăn, vướng mắc; chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu công chứng thống nhất trong cả nước; việc kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng với các cơ sở dữ liệu liên quan chưa được thực hiện.

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng ở từng địa phương phải tuân theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu và các văn bản khác có liên quan. Điều này dẫn đến thực tế là, mỗi tỉnh, thành phố có thể lựa chọn nhiều nhà cung cấp phần mềm, hạ tầng khác nhau, gây nên tình trạng phân mảnh, cục bộ khiến cho việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, tra cứu, truy cập thông tin giữa các địa phương gặp nhiều khó khăn. Khả năng tích hợp của cơ sở dữ liệu công chứng với các cơ sở dữ liệu khác như cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu đăng ký đất đai còn hạn chế. Thực tế cho thấy, cần thiết phải xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về công chứng

để tạo ra một cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất thông tin về các hoạt động công chứng trên toàn quốc, bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ về dữ liệu, tránh tình trạng trùng lặp dữ liệu, lãng phí tài nguyên và gây khó khăn trong quản lý.

3.2. Thúc đẩy việc sử dụng chữ ký số

Hiện nay, việc sử dụng chữ ký số đã dần trở nên phổ biến ở nước ta, mang lại sự tiện lợi trong số hóa lưu trữ tài liệu và giao dịch điện tử, giúp giảm thời gian, công sức xác minh tài liệu do được xác thực trực tuyến với mức độ bảo mật cao, gần như không thể làm giả. Kinh nghiệm của Hàn Quốc và Nhật Bản cho thấy, chữ ký số là công cụ chính nhằm xác minh nhân thân và thể hiện ý chí của người có yêu cầu công chứng. Do vậy, cần có giải pháp thúc đẩy công dân sử dụng chữ ký số song song với việc triển khai hệ thống công chứng điện tử. Để thúc đẩy công dân sử dụng chữ ký số, cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

- Nâng cao nhận thức của công dân về lợi ích của chữ ký số: Thực hiện các chiến dịch tuyên truyền, giáo dục về lợi ích của chữ ký số thông qua các kênh truyền thông đại chúng như truyền hình, báo chí, mạng xã hội...; tổ chức các hội thảo, tập huấn để nâng cao kiến thức về chữ ký số cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Tạo môi trường thuận lợi cho việc sử dụng chữ ký số: Ban hành các chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số như hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp phát triển và cung cấp giải pháp chữ ký số; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin để bảo đảm an toàn, bảo mật cho việc sử dụng chữ ký số.

3.3. Hoàn thiện khung pháp lý cho chuyển đổi số hoạt động công chứng

Quy định cơ sở pháp lý cho chuyển đổi số hoạt động công chứng gồm: (i) Bổ sung quy định cho phép tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công tài liệu xa; (ii) Thừa nhận giá trị pháp lý của văn bản công chứng điện tử; (iii) Bổ sung quy định về hồ sơ công chứng điện tử và lưu trữ điện tử; (iv) Cơ sở dữ liệu quốc gia về công chứng; (v) Nguyên tắc áp dụng khi điều kiện cho phép việc áp dụng quy trình công chứng trực tuyến và các quy trình nghiệp vụ công chứng khác trên nền tảng cơ sở dữ liệu công chứng tập trung khi có đủ điều kiện □

1. Xem: A. Kaiser, S. Pawlita (2005), *Das Notariat in Japan*.

2. Xem: Dean, *Japanese Legal System, United Kingdom, Taylor & Francis Group, 2002*.

3. Điều 27 Đạo luật Công chứng Nhật Bản.

4. Điều 26 Đạo luật Công chứng Nhật Bản.

5. Điều 39, Điều 40 Đạo luật Công chứng Nhật Bản.

6. Xem: Tetsuya Kimura, (2006), *Current status and problems of the electronic notarization system, NOMOS= Nomos, 18, 91 - 99*.

7. Xem: Pardieck, Andrew M.. *Executing Contracts in Japan. LSN: Contracts (Topic) (2015)*.

8. Xem: https://www.arabnews.jp/en/japan/article_76768/.

9. Xem: Lothar Determann, *Electronic Form Over Substance: eSignature Laws Need Upgrades, Hastings Law Journal, Vol. 72:1385*.

10. Xem: Naurah Humam Alkatiri, Mohamad Fajri Mekka Putra, Kyle Ongko (2023). *A Legal Perspective: Implementing an Electronic Notarization System in Indonesia in the Post-Pandemic Era*. *Jambural Law Review*. Volume 5 Issue 02.
11. Xem: Naurah Humam Alkatiri, Mohamad Fajri Mekka Putra, Kyle Ongko, tldd.
12. Điều 62-6 Đạo luật Công chứng Nhật Bản.
13. Xem: Tetsuya Kimura, tldd.
14. Điều 62-6 Đạo luật Công chứng Nhật Bản.
15. Xem: Viện Khoa học pháp lý (2022), *Đề tài khoa học cấp Bộ: Nghiên cứu xây dựng những định hướng chính sách lớn phục vụ việc sửa đổi, bổ sung Luật Công chứng*. tr. 157.
16. Xem: https://www.arabnews.jp/en/japan/article_76768/.
17. Xem: Khanh, B.N., Linh, P.X. (2022), *Electronic Notarization in the Context of Digital Transformation in Vietnam: Challenges and Recommendations*. *International Transaction Journal of Engineering, Management, & Applied Sciences & Technologies*, 13(9), 13A9U, 1 - 13.
18. Xem: Won-Lim Jee, Jung Won Jun (2019), *Contract Law in South Korea*. Wolters Kluwer Publishing.
19. Xem: *Regulation of the Legal Profession in South Korea: Overview*. [https://uk.practicallaw.thomsonreuters.com/w-031-6606?contextData=\(sc.Default\)&transitionType=Default&firstPage=true](https://uk.practicallaw.thomsonreuters.com/w-031-6606?contextData=(sc.Default)&transitionType=Default&firstPage=true).
20. Xem: Lee Woo-suk, Jeon Jung-ki (2005), *Một nghiên cứu về sự an toàn của hệ thống bảo vệ dữ liệu điện tử ở Nhật Bản đối với người trung gian*.
21. Xem: Lee Woo-suk, Jeon Jung-ki (2005), tldd.
22. Xem: Lee Woo-suk, Jeon Jung-ki (2005), tldd.
23. Xem: Lee Woo-suk, Jeon Jung-ki (2005), tldd.
24. Điều 1-2 Đạo luật Công chứng Hàn Quốc.
25. Điều 66-12 Đạo luật Công chứng Hàn Quốc.
26. Điều 77-9 Đạo luật Công chứng Hàn Quốc.
27. Điều 66-8 Đạo luật Công chứng Hàn Quốc.
28. Điều 66-9 Đạo luật Công chứng Hàn Quốc.
29. Điều 8, Điều 11 Quy tắc xử lý công việc của công chứng viên được chỉ định.
30. Điều 6 Quy tắc xử lý công việc của công chứng viên được chỉ định.
31. Xem: Khanh, B.N., Linh, P.X. (2022), tldd.
32. Đạo luật số 15150 sửa đổi một phần của Đạo luật Công chứng, được ban hành vào ngày 12/12/2017 và có hiệu lực vào ngày 20/6/2018.
33. Xem: Sang-young Kim (2022), *Thực trạng và giải pháp công chứng điện tử*, Pusan National University, Institute of Law Studies, Law Review, Vol. 63, No. 4.
34. Điều 62 Luật Công chứng năm 2014.
35. Có thể kể đến một số tỉnh như: Thanh Hóa, Lào Cai, Bình Thuận, Bình Dương.